

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 025/VCF/2024

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Sau đây viết tắt là ("VCF")

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554 Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bởi Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm FSSC 22000 số 38161802002 và Giấy chứng nhận này được cập nhật theo từng thời điểm.



**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN (803E)**

**2. Thành phần:** Hỗn hợp cà phê hòa tan 50 % (đậu nành, cà phê, caffeine), bột rễ rau diếp xoăn

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc

12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa PE, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế. Khối lượng tịnh: 25 kg, 320 kg

- Các bao 25 kg được đóng trong thùng carton với quy cách 1 bao/thùng.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Nhà máy cà phê Biên Hòa II – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

Địa chỉ: Lô đất số C.I.III – 3+5+7, Khu Công Nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm** (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền)
2. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê.
3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 19 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



Huỳnh Công Hoàn

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 025/VCF/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA	NHÓM SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Số TCCS 28:2024/BH106
	HỖ HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN (803E)	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

- Trạng thái: Dạng bột, tơi khô, không vón cục, không có vật lạ.
- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng.
- Mùi, vị: Thơm đặc trưng, không có mùi, vị lạ.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5,0
2	Hàm lượng caffeine	% khối lượng	≥ 2,5

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho sản phẩm cà phê):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 <sup>3</sup>
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 <sup>4</sup>
3	<i>Salmonella</i>	/25 g	Không phát hiện
4	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10 <sup>2</sup>

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

Handwritten signature and stamp area.

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	10,0



Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

Handwritten signature and initials in blue ink.

NHÃN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)



**HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN (803E)**

**LOẠI:** (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

**Khối lượng tịnh:** 25 kg

**Thành phần:** Hỗn hợp cà phê hòa tan 50 % (đậu nành, cà phê, caffeine), bột rễ rau diếp xoăn

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

**Sản xuất theo số TCCS 28:2024/BH106**

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc 12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng.**



**Sản phẩm chất lượng của VINACAFÉ BH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

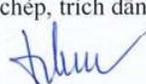
Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

  
19 NOV 2024 

## NHÂN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)



### HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN (803E)

**LOẠI:** (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

**Khối lượng tịnh:** 320 kg

**Thành phần:** Hỗn hợp cà phê hòa tan 50 % (đậu nành, cà phê, caffeine), bột rễ rau diếp xoăn

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

**Sản xuất theo số TCCS 28:2024/BH106**

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc  
12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng.**



**Sản phẩm chất lượng của** VINACAFÉ BH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

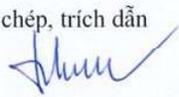
Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

  
19 NOV 2024 



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : PR9K2411090837

Mã số mẫu : 743-2024-00167623

Mã số Eol :

005-32410-357139

Tên mẫu :

Hỗn hợp cà phê hòa tan (803E)

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì ghép mí

Ngày nhận mẫu :

09/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 15/11/2024

Thời gian thử nghiệm :

09/11/2024 - 14/11/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD346 VD (a) <i>Enterobacteriaceae</i>	cfu/ g	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
3	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	6.5x10 <sup>2</sup>
4	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD026 VD (a) Caffein	g/ 100 g	ISO 20481:2008	3.07
6	VD50K VD (a) Độ ẩm (Karl Fischer)	%	TCVN 9722:2013 (ISO 20938:2008)	3.53
7	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.03)
8	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.05)
9	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.07
10	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
11	VDL14 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-19659 (Ref. AOAC 2000.09 & AOAC 2004.10 & TCVN 8426:2010 & TCVN 9724:2013 (EN 14132:2009))	Không phát hiện (LOD=0.3)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Ký tên**


Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 15/11/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 15/11/2024.

**Ghi chú giải thích**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các báo phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đầu là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

